

CHƯƠNG TRÌNH NGŨ VĂN 6- ĐỢT 5

(Theo PPCT tình giản)

TUẦN 26:

Văn bản:

CÂY TRE VIỆT NAM

Thép Mới

I. Đọc – tìm hiểu chú thích:

1/ Tác giả:

- Thép Mới (1925 - 1991)
- Tên khai sinh Hà Văn Lộc, quê ở Hà Nội.
- Ngoài báo chí, ông viết nhiều kí và thuyết minh phim.

2/ Tác phẩm:

a/ Xuất xứ:

Là lời bình cho bộ phim cùng tên của các nhà điện ảnh Ba Lan.

b/ Đại ý:

Vẻ đẹp và hình ảnh của cây tre gắn liền với cuộc sống dân tộc VN và trở thành biểu tượng của nước ta.

c/ Bố cục: 4 phần.

- +Phần 1: từ đầu chí khí như người” → Tre có mặt ở khắp nơi trên đất nước và có những phẩm chất đáng quý.
- +Phần 2: tiếp theo ... “chung thủy” → tre gắn bó với con người trong cuộc sống và lao động.
- +Phần: tiếp theo “anh hùng chiến đấu” → Tre sát cánh với con người trong cuộc sống chiến đấu bảo vệ quê hương đất nước.
- +Phần 4: Phần còn lại → tre vẫn là người bạn đồng hành với dân tộc ta trong hiện tại và trong tương lai.

II. Đọc-hiểu văn bản:

1/ Những phẩm chất của tre:

- Tre mọc xanh tốt ở mọi nơi
- Dáng tre vươn mộc mạc và thanh cao
- Mầm non măng mọc thẳng
- Màu xanh của tre tươi mà nhũn nhặn
- Tre cứng cáp mà lại dẻo dai, vững chắc.
- Chí khí như người

→ **Nhân hóa**

→ **Tre mang phẩm chất của con người.**

2/ Sự gắn bó của tre với con người và dân tộc VN.

- Cây tre có mặt ở khắp nơi
- Bóng tre trùm lên âu yếm làng bản, xóm, thôn.
- Tre với người vất vả quanh năm.
- Tre là người nhà, tre khăng khít với đời sống hằng ngày.
- Tre... kháng chiến, tre lại là đồng chí chiến đấu của ta.
- Tre, anh hùng lao động ! Tre, anh hùng chiến đấu!

⇒ nhân hoá: Tre gắn bó với con người Việt Nam trong cuộc sống lao động và chiến đấu.

3/ Tre trong hiện tại và tương lai.

- Trên đường trường ta dần bước, tre xanh vẫn là bóng mát

-Cây tre Việt Nam: biểu tượng của đất nước và dân tộc Việt Nam.

III. Tổng kết:

Học ghi nhớ SGK / 100

IV. Luyện tập:

***Về nhà:**

-Học ghi nhớ và bài giảng

.....

Văn bản:

MƯA, LAO XAO

Học sinh tự đọc

Tập làm văn:

TẬP LÀM THƠ BỐN CHỮ, THI LÀM THƠ NĂM CHỮ

A. TẬP LÀM THƠ BỐN CHỮ

I. Tìm hiểu chung:

-Thơ bốn chữ thường có nhiều dòng, mỗi dòng 4 chữ, thường ngắt nhịp 2/2, thích hợp với lối kể và tả.

-Cách gieo vần:

+Vần lưng: vần được gieo ở giữa dòng thơ

+Vần chân: vần được gieo ở cuối dòng thơ

+Vần liền: vần liền tiếp giống nhau ở cuối câu.

II. Luyện tập:

Ve ve ve ve

Nghe kể chuyện về

Là ve nói phét

Nhà tôi chăm quét

Ngồi ăn ngon cơm

Lại còn hũ tương

Ăn chua ... như giấm

Nhà tôi trồng nấm

Mỗi cái tám cân

Đem xào ăn dần

Một năm thì hết

Từ giờ đến tết

Nào cam, nào chanh

Nào thơm, nào hành

Lươn ốc hàng rô

Tha hồ lựa chọn

B. THI LÀM THƠ NĂM CHỮ

I. Tìm hiểu bài:

***Đặc điểm thơ 5 chữ.**

- Số chữ: mỗi dòng 5 chữ

-Khổ thơ: thường chia khổ (4 câu hoặc 2 câu) hoặc không chia khổ.

-Vần: thay đổi, không nhất thiết vần liền tiếp

-Nhịp 3/2 hoặc 2/3

II. Bài học:

Học ghi nhớ SGK /

III.Thi làm thơ:

1. Thi làm thơ 5 chữ đã học

2. Làm thơ với vần nối tiếp.

3. Đọc và bình thơ

.....

Tiếng Việt:

CÂU TRẦN THUẬT ĐƠN, CÂU TRẦN THUẬT ĐƠN CÓ TỪ “LÀ”, CÂU TRẦN THUẬT ĐƠN KHÔNG CÓ TỪ “LÀ”

A. CÂU TRẦN THUẬT ĐƠN

VD: (SGK trang 101)

- Câu 1,2,6,9 câu kể, tả, nêu ý kiến

-Hỏi: câu 4

-Bộc lộ cảm xúc: các câu: 3,5,8

-Câu cầu khiến: câu 7

C V1 V2
-Tôi // đã héch răng lên, xì một hơi rõ dài.

C V
-Tôi // mắng.

C V
-Tôi // về, không một chút bận tâm.

→ Câu trần thuật đơn

B. CÂU TRẦN THUẬT ĐƠN CÓ TỪ “LÀ”

VD: SGK / 114

C V
a/ Bà đỡ Trần // là người huyện Đông Triều.

Câu giới thiệu

C V
b/Truyện thuyết // là truyện

Câu định nghĩa

C V
c/ Ngày ...Cô Tô // là một ngày trong trẻo, sáng sủa

Câu miêu tả

C V

d/ Dế mèn / trên chị Cốc // là đại c v

→ CN // “là” + từ (cụm từ)

Câu đánh giá.

→ CN // “Là” + **không phải, chưa phải** + từ (cụm từ)

Đặc điểm của câu trần thuật đơn có từ “là”.

- Trong câu trần thuật đơn có từ “là” kết hợp với danh từ (cụm danh từ) tạo thành. Ngoài ra, tổ hợp giữa từ “là” với động từ (cụm động từ) hoặc tính từ (cụm tính từ), ... cũng có thể làm vị ngữ.

- Khi vị ngữ biểu thị ý phủ định, nó kết hợp với các cụm từ **không phải, chưa phải**.

C. CÂU TRẦN THUẬT ĐƠN KHÔNG CÓ TỪ “LÀ”

VD1:

- Phú ông / mừng lắm
C V

- Chúng tôi / hội tụ ở góc sân
C V

→ CN / từ (cụm từ)

→ CN / **không, chưa** + từ (cụm từ)

VD2:

- Đằng cuối bãi, hai cậu bé con / tiến lại.
C V

→ Câu miêu tả

- Đằng cuối bãi, tiến lại / hai cậu bé con. V
C

→ Câu tồn tại

1/ Đặc điểm:

Trong câu trần thuật đơn không có từ “là”:

- Vị ngữ thường do động từ (cụm động từ), tính từ (cụm tính từ) tạo thành.

- Khi vị ngữ biểu thị ý phủ định, nó kết hợp với các từ **không, chưa**.

2/ Câu miêu tả và câu tồn tại:

- Những câu dùng để miêu tả hành động, trạng thái, đặc điểm, ... của sự vật nêu ở chủ ngữ được gọi là câu miêu tả. Trong câu miêu tả, chủ ngữ đứng trước vị ngữ.

- Những câu dùng để thông báo về sự xuất hiện, tồn tại hoặc tiêu biến của sự vật được gọi là câu tồn tại.

Một trong những cách tạo câu tồn tại là đảo chủ ngữ xuống sau vị ngữ.

.....

HƯỚNG DẪN ÔN TẬP VĂN- TIẾNG VIỆT

Ôn tập Văn- Tiếng Việt từ tuần 20 đến tuần 27

I. Văn bản:

- Học thuộc lòng 2 bài thơ :
 - + Đêm nay Bác không ngủ- Minh Huệ.
 - + Lượm- Tố Hữu.
- Cho một đoạn văn:
 - + Xác đoạn trích từ văn bản nào, tác giả.
 - + Nêu ý chính của đoạn văn.

II Tiếng Việt:

- Tìm yếu tố tiếng Việt trong đoạn văn có sẵn.
- Viết đoạn văn có chủ đề, có sử dụng yếu tố tiếng Việt

Bài tập minh họa:

Bài 1: Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi.

Cái chàng Dế Choắt, người gầy gò và dài lêu nghêu như một gã nghiện thuốc phiện. Đã thanh niên rồi mà cánh chỉ ngắn cùn đến giữa lưng, hở cả mạng sườn như người cởi trần mặc áo gi-lê. Đôi càng bè bè nặng nề trông đến xấu. Râu ria gì mà cụt có một mẫu và mặt mũi lúc nào cũng ngẩn ngẩn ngơ ngơ.

- a. Đoạn văn trên thuộc văn bản nào? Tác giả là ai?
- b. Nêu nội dung chính của đoạn văn.
- c. Tìm 1 câu sử dụng phép so sánh và 1 câu sử dụng phép nhân hóa có trong đoạn?

Bài 2: Viết đoạn văn từ 5 đến 8 câu phát biểu cảm nghĩ của em về một nhân vật hoặc một văn bản em đã học trong chương trình Ngữ văn 6 tập 2. Trong đó sử dụng ít nhất một câu trần thuật đơn .Chỉ ra bằng cách gạch chân.

TUẦN 27:

CHỮA LỖI VỀ CHỦ NGỮ VÀ VỊ NGỮ

I. Tìm hiểu bài.

1) Câu thiếu chủ ngữ:

- a) Qua truyện Dế Mèn phiêu lưu ký cho thấy Dế Mèn biết phục thiện => câu sai.
 - b) Qua truyện “Dế Mèn phiêu lưu ký”, em thấy Dế Mèn biết phục thiện => câu đúng
- *Chữa lại câu a:

-**Thêm CN:**

Qua truyện “Dế Mèn phiêu lưu ký” tác giả (Tô Hoài) cho em thấy Dế Mèn biết phục thiện.

***Biến trang ngữ thành CN:**

Truyện “Dế Mèn phiêu lưu ký” cho em thấy Dế Mèn biết phục thiện.

2) Câu thiếu vị ngữ:

- a) Thánh Gióng // cưỡi ngựa sắt, xông thẳng vào quân thù => câu đúng.
- b) Hình ảnh Thánh Gióng cưỡi ngựa sắt, vung roi sắt xông thẳng vào quân thù => câu sai.
- c) Bạn Lan, người học giỏi nhất lớp 6A => câu sai (thiếu vị ngữ)
- d) Bạn Lan // là người học giỏi nhất lớp 6A => câu đúng.

Chữa lại:

***Câu b:**

+**Thêm vị ngữ:**

Hình ảnh Thánh Gióng cưỡi ngựa sắt, vung roi sắt, xông thẳng vào quân thù đã để lại trong em niềm kính phục.

+**Biến cụm danh từ đã cho thành một bộ phận của cụm C-V.**

Em rất thích hình ảnh Thánh Gióng cưỡi ngựa sắt , vung roi sắt, xông thẳng vào quân thù.

***Câu c:**

+Thêm một cụm từ làm V.N.

Bạn Lan, người học giỏi nhất lớp 6A, là bạn thân của tôi.

+Biến câu đã cho thành một cụm c-v:

Bạn Lan là người học giỏi nhất lớp 6A.

+Biến câu đã cho thành một bộ phận của câu:

Tôi rất quý bạn Lan, người học giỏi nhất lớp 6A.

3) Câu thiếu cả chủ ngữ lẫn vị ngữ

Xác định các thành phần của những câu dưới đây, tìm lỗi và chữa lại câu cho đúng:

(1) Mỗi khi đi qua cầu Long Biên.

(2) Bằng khối óc sáng tạo và bàn tay lao động của mình, chỉ trong vòng sáu tháng.

Gợi ý: Mỗi khi qua cầu Long Biên.

Trạng ngữ

Bằng khối óc sáng tạo... , chỉ trong vòng sáu tháng.

Trạng ngữ

Cả hai trường hợp trên đều mới chỉ có thành phần phụ trạng ngữ, thiếu chủ ngữ và vị ngữ.

Thêm chủ ngữ và vị ngữ để chữa những câu lỗi kiểu này:

- Mỗi khi qua cầu Long Biên, tôi lại được ngắm dòng sông Hồng với mướt xanh bờ bãi.

- Bằng khối óc sáng tạo và bàn tay lao động của mình, chỉ trong vòng sáu tháng, công nhân nhà máy dệt X đã hoàn thành xong 70 % kế hoạch của cả năm.

4. Sai về quan hệ ngữ nghĩa giữa các thành phần câu

a) Đọc câu sau và cho biết mỗi bộ phận in đậm nói về ai:

Hai hàm răng cắn chặt, quai hàm bạnh ra, cặp mắt nảy lửa, ta thấy dựngng Hương Thư ghì trên ngọn sào giống như một hiệp sĩ của Trường Sơn oai linh hùng vĩ.

b) Xác định lỗi trong câu trên và sửa lại cho đúng.

Gợi ý:

- “Hai hàm răng cắn chặt, quai hàm bạnh ra, cặp mắt nảy lửa,” thực ra là nói về dựngng Hương Thư, nhưng cách sắp xếp như trên khiến người đọc hiểu là nói về “ta” – chủ ngữ trong câu.

Câu này sai về quan hệ ngữ nghĩa giữa các thành phần trong câu.

Có thể chữa: Ta thấy dựngng Hương Thư hai hàm răng cắn chặt, quai hàm bạnh ra, cặp mắt nảy lửa, ghì trên ngọn sào giống như một hiệp sĩ của Trường Sơn oai linh hùng vĩ. Hoặc: Ta thấy dựngng Hương Thư ghì trên ngọn sào, hai hàm răng cắn chặt, quai hàm bạnh ra, cặp mắt nảy lửa, giống như một hiệp sĩ của Trường Sơn oai linh hùng vĩ..

.....

Văn bản

BỨC THƯ CỦA THỦ LĨNH DA ĐỎ

I. Đọc tìm hiểu chú thích:

1/ Tác giả: Thủ lĩnh người Xi – át – ton.

2/ Tác phẩm: Là văn bản hay nhất về thiên nhiên và môi trường.

3/ Thể loại: Văn bản nhật dụng – Viết thư.

4/ Bố cục: 3 đoạn:

II. Đọc tìm hiểu văn bản:

1/ Ý nghĩa của đất:

-Đất là thiêng liêng → ký ức

-Đất là mẹ → gia đình

→ So sánh, nhân hóa

→ Quan hệ gắn bó, gần gũi, thân thiết.

2/ Đối xử với đất:

Đối xử với đất

Người da đỏ

-Đất là mẹ

-Trân trọng, yêu mến, âm thanh của thiên nhiên

→ Gắn bó với đất, hòa mình với thiên nhiên.

Người da trắng

Đất là kẻ thù, bị chinh phục, mua, tước đoạt, bán ...

-Chẳng có nơi nào yên tĩnh, chỉ là những tiếng ồn ào, lãng mạn

→ Đất là món hàng mua bán, ngược đãi, xa cách, hủy hoại thiên nhiên

-*So sánh, nhân hóa, phép lặp, phép đối lập.

3/ Kết quả:

-Điều gì xảy ra với con thú thì cũng xảy ra với con người.

→ Phải biết bảo vệ thiên nhiên và môi trường.

III. Tổng kết:

Học ghi nhớ SGK / 140

.....

KIỂM TRA VĂN- TIẾNG VIỆT

TUẦN 28:

VIẾT ĐƠN, LUYỆN TẬP CÁCH VIẾT ĐƠN và SỬA LỖI

I. Tìm hiểu bài.

1/ Mục đích viết đơn: nhằm đề đạt một nguyện vọng của cá nhân hay tập thể.

2/ Các loại đơn:

-Đơn theo mẫu

-Đơn không theo mẫu.

3/ Trình tự một lá đơn:

- Quốc hiệu
- Tên đơn (Viết hoa hoặc chữ in)
- Nơi gửi
- Họ tên, nơi công tác của người viết đơn.
- Sự việc, lý do và nguyện vọng.
- Cam đoan và cảm ơn.
- Nơi làm đơn, ngày, tháng, năm
- Ký tên.

II. Bài học:

Ghi nhớ SGK trang 134

III. Luyện tập:

Trong trường mới mở một lớp học nhạc, họa, thể dục, em rất muốn học. Hãy viết một lá đơn đề xin được dự học một trong những lớp trên

A. Các lỗi thường mắc phải khi viết đơn:

Bài tập 1/143:

*Lỗi mắc phải trong đơn:

- Thiếu quốc hiệu : Cộng hòa ...
- Thiếu ngày, tháng, năm nơi viết đơn và chữ ký của người viết đơn.
- Thiếu mục tên người viết đơn.

* Cách sửa : Bổ sung những phần thiếu

Bài tập 2/143: Quy trình tương tự như trên.

*Lỗi mắc phải trong đơn:

- Thừa phần viết về bố mẹ không cần thiết phải khai.
- Lý do trình bày chưa rõ ràng, xác đáng.
- Thiếu thời gian, nơi viết đơn, lời cam đoan, chữ ký của người viết đơn.
- Cần chú ý : Em tên là chứ không phải tên em là.

*Cách sửa: Bổ sung những phần thiếu, bỏ bớt những chỗ viết thừa.

BÀI VIẾT VĂN MIÊU TẢ

TUẦN 29:

ÔN TẬP về DẤU CÂU (Dấu chấm, dấu chấm hỏi, dấu chấm than)

I. Tìm hiểu bài:

1.

a) Ôi thôi chú mày ơi (!) Chú mày có lớn mà chẳng có khôn. (Tô Hoài)

b) Con có nhận ra con không (?)

c) Cá ơi, giúp tôi với (!) Thương tôi với (!). (Ông lão đánh cá.....)

d) Trời chớm hè (.) Cây cối um tùm (.) Cả làng thơm (.) (Duy Khán)

2.

a) Tôi phải bảo:

- Được, chú mình cứ nói thẳng thừng ra nào.

[...] Rồi, với bộ điệu khinh khỉnh, tôi mắng:

-[...] Thôi, im cái điệu hát mưa dầm sùi sụt ấy đi.

b) AFP đưa tin theo cách ốm ờ: “Họ là 80 người sức lực khá tốt nhưng hơi gầy” (!?)
(Nguyễn Tuân)

II. Bài học:

Ghi nhớ SGK /150

III. Chữa một số lỗi thường gặp.

1a/

-Dùng dấu chấm sau Quảng Bình là hợp lý.

-Dùng dấu phẩy sau Quảng Bình là không hợp lý vì: Biến câu thành câu ghép có 2 vế, nhưng ý nghĩa của 2 vế này lại rời rạc, không liên quan chặt chẽ với nhau; Câu dài không cần thiết.

b/

-Dùng dấu chấm sau bí hiểm là không hợp lý vì: Tách vị ngữ 2 khỏi chủ ngữ; Cắt đôi cặp quan hệ từ “vừa ... vừa”

-Dùng dấu chấm phẩy (;) là hợp lí.

2a): dùng dấu chấm vì đây là câu trần thuật chứ không phải là câu nghi vấn.

b/ Dùng dấu chấm là hợp lý.

IV. Luyện tập:

.....

ÔN TẬP về DẤU CÂU (Dấu phẩy)

I. Tìm hiểu bài:

Ví dụ 1: Đặt dấu phẩy vào chỗ thích hợp.

a) Vừa lúc đó, sứ giả đem ngựa sắt, roi sắt, áo giáp sắt đến. Chú bé vùng dậy, vươn vai một cái, bỗng biến thành một tráng sĩ.

=> Ngăn cách thành phần phụ với CN; Các từ ngữ cùng chức vụ trong câu.

b) Suốt một đời người, từ lúc lọt lòng đến khi nhắm mắt xuôi tay, tre với mình sống chết có nhau, chung thủy.

=> Giữa từ ngữ với bộ phận chú thích của câu.

c) Nước bị cản văng bọt tứ tung, thuyền vùng vằng cứ chực trụt xuống.

=> Giữa các vế câu ghép

Ví dụ 2: Đặt dấu phẩy vào đúng chỗ.

a) Chào mào, sáo sậu, sáo đen, Đàn đàn lũ lũ bay đi bay về, lượn lên lượn xuống (1).

=> Dấu phẩy dùng giữa các từ ngữ có cùng chức vụ trong câu => cũng là chủ ngữ.

-Chúng nó gọi nhau, trò chuyện, treo ghẹo và tranh cãi nhau, ồn ào mà vui không thể tưởng được.

=>Dấu phẩy dùng giữa các từ ngữ có cùng chức vụ trong câu cũng là VN.

b/ Trên những ngọn cơi già nua cỏ thụ, những chiếc lá vàng còn sót lại cuối cùng đang khua lao xao trước khi từ giã thân mẹ đơn sơ.

=>Dấu phẩy dùng giữa thành phần phụ trạng ngữ với CN – VN

-Nhưng những hàng cau làng Dạ thì bất chấp tất cả sức mạnh tàn bạo của mùa đông, chúng vẫn còn y nguyên những tàu lá vắt vèo mềm mại như cái đuôi én.

=>Dấu phẩy dùng giữa các vế câu ghép.

II. Bài học:

Ghi nhớ SGK / 158

III. Luyện tập:

GỢI Ý GIẢI BÀI TẬP:

Bài 1/SGK: Đặt dấu phẩy vào vị trí thích hợp trong các câu:

a) Từ xưa đến nay Thánh Gióng luôn là hình ảnh rực rỡ về lòng yêu nước, sức mạnh phi thường và tinh thần sẵn sàng chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam ta.

b) Buổi sáng, sương muối phủ trắng cành cây, bãi cỏ. Gió bắc hun hút thổi. Núi đồi, thung lũng, làng bản chìm trong biển mây mù. Mây bò trên mặt đất, tràn vào trong nhà, quấn lấy người đi đường.

Bài 2/SGK: Chọn chủ ngữ thích hợp để điền

a) Vào giờ tan tầm, xe ô tô, xe máy, xe đạp đi lại nườm nượp trên đường phố.

b) Trong vườn hoa lay-ơn, hoa cúc, hoa hồng đua nhau nở rộ.

c) Dọc theo bờ sông, những vườn sỉ, vườn nhãn, vườn mít, xum xuê, trĩu quả.

Bài 3/SGK: Chọn vị ngữ thích hợp để điền

a) Những chú chim bói cá thụ mình trên cành cây, rut cổ lại

b) Mỗi dịp về quê, tôi đều đến thăm ngôi trường cũ, thăm thầy, cô giáo cũ của tôi.

c) Lá cọ dài thăng, xòe cánh quạt.

d) Dòng sông quê tôi xanh biếc, hiền hòa.

Bài 4/SGK: Nhận xét dấu phẩy của nhà văn Thép Mới có viết:

- Cối xay tre nặng nề quay, từ nghìn đời nay, xay nắm thóc.

→ Dấu phẩy ở đây dùng nhằm mục đích tu từ. Nhờ hai dấu phẩy, Thép Mới đã ngắt câu thành những khúc đoạn cân đối diễn tả được nhịp quay đều đặn chậm rãi và nhẩn nại của chiếc cối xay.

Văn bản:

LÒNG YÊU NƯỚC
I-li-a Ê-ren-bua

CẦU LONG BIÊN –CHỨNG NHÂN LỊCH SỬ

Thuý Lan

(Đọc thêm)

CHƯƠNG TRÌNH ĐỊA PHƯƠNG

□ Phân chuẩn bị của HS:

1) Kể tên tác phẩm, tác giả, nội dung chính của 3 văn bản nhật dụng đã học ở chương trình ngữ văn 6 tập 2?

2) Tìm hiểu (qua sách báo, ấn phẩm văn hóa tranh ảnh, băng tiếng, băng hình ... lời kể của những người hiểu biết ở gia đình và địa phương) về một danh lam thắng cảnh ở địa phương của em, theo mẫu sau:

- Tên di tích hoặc danh lam thắng cảnh.
- Vị trí địa lý
- Có tự bao giờ? Phát hiện khi nào? Bởi ai?
- Nhân tạo hay cảnh tự nhiên?
- Vẻ đẹp và sức hấp dẫn của di tích hay danh lam?
- Ý nghĩa lịch sử?
- Giá trị văn hóa, kinh tế du lịch?
- Tình hình tôn tạo và sử dụng hiện nay?

3) Sau khi thu thập, sưu tầm tài liệu, viết thành một bài giới thiệu ngắn khoảng độ 1-2 trang để chuẩn bị trình bày trước nhóm, lớp.

4) Tìm hiểu vấn đề bảo vệ môi trường ở địa phương em hiện nay.

- Những ưu điểm, những việc làm của nhân dân và chính quyền địa phương nhằm bảo vệ môi trường xanh, sạch, đẹp mà em được biết?

-Những vấn đề còn tồn tại khiến môi trường ở địa phương em bị ô nhiễm, bị vi phạm?
(vấn đề cống, rãnh thoát nước, vấn đề rác thải)

***Lưu ý:** Mỗi HS chỉ cần chuẩn bị một trong các vấn đề trên.

***Hoạt động trên lớp:**

1) Trao đổi trong nhóm, tổ những kết quả đã chuẩn bị ở nhà.

2) Các nhóm lựa chọn vấn đề và đại biểu trình bày trước lớp.

3) Cho các tổ nhóm trình bày trước lớp

a) Trình bày, giới thiệu bài chuẩn bị và hiện vật, tranh ảnh sưu tầm hoặc giới thiệu qua băng hình, băng tiếng.

b) Trao đổi, nhận xét của các bạn.

4) GV tổng kết, rút ra bài học kinh nghiệm tìm hiểu, sưu tầm, trình bày kết quả.

***Tổ chức đi tham quan:**

Nếu tổ chức đi tham quan di tích lịch sử hoặc danh lam thắng cảnh ở địa phương thì HS cần nghiêm túc và chăm chú quan sát, nghe giới thiệu, về nhà viết bài thu hoạch.

***Phân tiếng Việt**

GV bước đầu tổng kết một số quy luật ngữ âm, từ vựng và ngữ pháp nhằm giúp HS nhận rõ và phân biệt sự khác nhau giữa các vùng miền

A) Phương ngữ miền Bắc:

1) Phân biệt các phụ âm: TR/CH

- a) Quy tắc trong âm tiết
 - b) Quy tắc trong từ Hán Việt
 - c) Quy tắc trong từ láy
 - d) Quy tắc trong ngữ nghĩa
 - 2) Phân biệt các phụ âm: S/X
(Giống như phần 1)
 - 3) Phân biệt các phụ âm: R, D, GI
 - 4) Phân biệt các phụ âm: L/N
 - B) Phương ngữ miền Trung:
Phân biệt 2 thanh (hỏi) (ngã)
 - a) Quy tắc trong từ láy
 - b) Quy tắc ngữ nghĩa
 - C) Phương ngữ miền Nam:
Phân biệt các phụ âm: V/D
 - D) Thực hành:
Làm lại, chữa lại một số bài tập hỗ trợ ở cả 2 quyển 1 và 2.
-

TUẦN 30:

ÔN TẬP KIỂM TRA HKII

Nội dung ôn tập chờ tài liệu của PGD